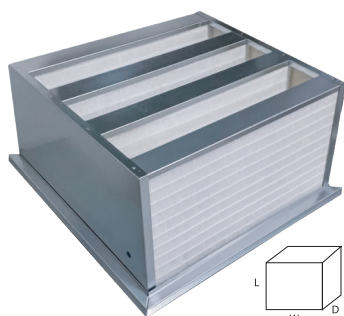


AV4V-292-GS & AV4V-420-GS



Model: AV4V-F9-592x592x292-GS-18

AV4V: AirFil-V, Lọc khối cứng 4V Rigid Bank

F9: Cấp lọc theo EN 779:2012

592x592x292: Kích thước WxLxD mm

GS: Khung thép mạ kẽm - vật liệu lọc sợi tổng hợp

18: Diện tích vật liệu lọc m²

ỨNG DỤNG

- Dùng cho hệ thống lọc khí hiệu suất cao.
- Các lọc có kích thước nhỏ gọn, lưu lượng cao.
- Cấu trúc cứng cáp mang lại khả năng lọc tuyệt vời.
- Thiết kế dạng V giúp tăng diện tích bề mặt, lưu lượng gió cao và chênh áp ban đầu thấp. Tuổi thọ sử dụng dài.

Bộ lọc khối V cứng

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi tổng hợp

Kiểu khối: 4V Rigid Bank

Bề dày khung: 25mm

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Giai đoạn lọc: II-III

Chênh áp cuối:

- EN 779:2012: 450 Pa.
- ISO 16890: 300 Pa.

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc ISO 16890	Cấp lọc EN 779:2012	Diện tích vật liệu lọc m ²	Lưu lượng m ³ /h	Chênh áp ban đầu Pa.	Trọng lượng kg
AV4V-M6-287x592x292-GS-9	279001M	MV6G4S09T0XX	287x592x292	ePM10>60%	M6	9.00	1650	65	6.00
AV4V-M6-490x592x292-GS-15	279002M	MV6G4S15T0XX	490x592x292	ePM10>60%	M6	15.00	2700	65	10.00
AV4V-M6-592x592x292-GS-18	279003M	MV6G4S18T0XX	592x592x292	ePM10>60%	M6	18.00	3400	65	12.00
AV4V-F7-287x592x292-GS-9	279004M	MV7G4S09T0XX	287x592x292	ePM1>50%	F7	9.00	1650	75	6.00
AV4V-F7-490x592x292-GS-15	279005M	MV7G4S15T0XX	490x592x292	ePM1>50%	F7	15.00	2700	75	10.00
AV4V-F7-592x592x292-GS-18	279006M	MV7G4S18T0XX	592x592x292	ePM1>50%	F7	18.00	3400	75	12.00
AV4V-F8-287x592x292-GS-9	279007M	MV8G4S09T0XX	287x592x292	ePM1>65%	F8	9.00	1650	85	6.00
AV4V-F8-490x592x292-GS-15	279008M	MV8G4S15T0XX	490x592x292	ePM1>65%	F8	15.00	2700	85	10.00
AV4V-F8-592x592x292-GS-18	279009M	MV8G4S18T0XX	592x592x292	ePM1>65%	F8	18.00	3400	85	12.00
AV4V-F9-287x592x292-GS-9	279010M	MV9G4S09T0XX	287x592x292	ePM1>80%	F9	9.00	1650	95	6.00
AV4V-F9-490x592x292-GS-15	279011M	MV9G4S15T0XX	490x592x292	ePM1>80%	F9	15.00	2700	95	10.00
AV4V-F9-592x592x292-GS-18	279012M	MV9G4S18T0XX	592x592x292	ePM1>80%	F9	18.00	3400	95	12.00
AV4V-M6-287x592x420-GS-15	279013M	MV6G4S15T0XX	287x592x420	ePM10>60%	M6	15.00	1650	55	5.00
AV4V-M6-490x592x420-GS-24	279014M	MV6G4S24T0XX	490x592x420	ePM10>60%	M6	24.00	2700	55	8.50
AV4V-M6-592x592x420-GS-32	279015M	MV6G4S32T0XX	592x592x420	ePM10>60%	M6	32.00	3400	55	9.00
AV4V-F7-287x592x420-GS-15	279016M	MV7G4S15T0XX	287x592x420	ePM1>50%	F7	15.00	1650	65	5.00
AV4V-F7-490x592x420-GS-24	279017M	MV7G4S24T0XX	490x592x420	ePM1>50%	F7	24.00	2700	65	8.50
AV4V-F7-592x592x420-GS-32	279018M	MV7G4S32T0XX	592x592x420	ePM1>50%	F7	32.00	3400	65	9.00
AV4V-F8-287x592x420-GS-15	279019M	MV8G4S15T0XX	287x592x420	ePM1>65%	F8	15.00	1650	75	5.00
AV4V-F8-490x592x420-GS-24	279020M	MV8G4S24T0XX	490x592x420	ePM1>65%	F8	24.00	2700	75	8.50
AV4V-F8-592x592x420-GS-32	279021M	MV8G4S32T0XX	592x592x420	ePM1>65%	F8	32.00	3400	75	9.00
AV4V-F9-287x592x420-GS-15	279022M	MV9G4S15T0XX	287x592x420	ePM1>80%	F9	15.00	1650	85	5.00
AV4V-F9-490x592x420-GS-24	279023M	MV9G4S24T0XX	490x592x420	ePM1>80%	F9	24.00	2700	85	8.50
AV4V-F9-592x592x420-GS-32	279024M	MV9G4S32T0XX	592x592x420	ePM1>80%	F9	32.00	3400	85	9.00

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316. **Vật liệu lọc:** Loại chịu nhiệt cao 120°C.

Loại khung HF: Không, đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, Kích thước theo yêu cầu.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt. **Vị trí gioăng:** Không có, Mặt gió ra, Mặt gió vào.

Loại gioăng: Không gioăng, Polyurethane, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc Rigid V Bank | VDI 6022 Blatt 1:2018, VDI 3803 Blatt 1:2020, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc Rigid V Bank | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT